



**Công ty TNHH Chứng khoán
Mirae Asset (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

73/UBCK-GP	ngày 18 tháng 12 năm 2007
109/QĐ-UBCK	ngày 27 tháng 2 năm 2009
218/QĐ-UBCK	ngày 8 tháng 4 năm 2009
411/QĐ-UBCK	ngày 10 tháng 7 năm 2009
65/QĐ-UBCK	ngày 28 tháng 1 năm 2010
23/GPĐC-UBCK	ngày 6 tháng 4 năm 2011
35/GPĐC-UBCK	ngày 12 tháng 8 năm 2013
17/GPĐC-UBCK	ngày 15 tháng 4 năm 2015
421/GPĐC-UBCK	ngày 20 tháng 5 năm 2015
121/GP-UBCK	ngày 8 tháng 1 năm 2016
09/GPĐC-UBCK	ngày 21 tháng 4 năm 2016
12/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 5 năm 2016
05/GPĐC-UBCK	ngày 8 tháng 2 năm 2017
444/QĐ-UBCK	ngày 8 tháng 5 năm 2017
24/GPĐC-UBCK	ngày 15 tháng 6 năm 2017

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Min Kyung Jin	Chủ tịch (từ ngày 20 tháng 3 năm 2017)
Ông Byun Jae Sang	Chủ tịch (đến ngày 20 tháng 3 năm 2017)
Ông Kang Moon Kyung	Thành viên
Ông Shin Dong Min	Thành viên (từ ngày 20 tháng 3 năm 2017)
Ông Kim Dae Hwan	Thành viên (đến ngày 20 tháng 3 năm 2017)

Ban Kiểm soát

Ông Ahn Jong Hoon	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên
Ông Nghiêm Thông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Kang Moon Kyung	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính

91 Pasteur
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 8, Tòa nhà Sacombank
27 Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 7 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi Chủ sở hữu Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 7 đến trang 58.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác trong các báo cáo lần lượt ngày 24 tháng 3 năm 2017 và ngày 12 tháng 8 năm 2016, công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-01-301/1



Trần Đình Vinh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0339-2013-007-1

Phó Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B01a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		1.924.728.848.664	574.080.523.514
I	Tài sản tài chính (“TSTC”)	110		1.922.024.029.767	572.663.665.946
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	489.046.779.391	152.275.399.965
1.1	Tiền	111.1		1.046.779.391	2.875.399.965
1.2	Các khoản tương đương tiền	112.2		488.000.000.000	149.400.000.000
2	Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)	112	7(a)	70.617.810.683	44.923.063.896
3	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	113	7(b)	912.000.000.000	94.000.000.000
4	Các khoản cho vay	114	7(c)	428.833.580.429	273.341.333.429
5	TSTC sẵn sàng để bán	115	7(d)	11.314.591.900	7.800.000.000
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính	116	8	(5.603.106.914)	(9.613.827.956)
7	Các khoản phải thu	117	9	14.381.803.720	8.579.201.942
7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ TSTC	117.2		14.381.803.720	8.579.201.942
8	Trả trước cho người bán ngắn hạn	118		556.246.800	780.861.070
9	Phải thu các dịch vụ cung cấp	119		299.619.505	150.478.179
10	Các khoản phải thu khác	122		576.704.253	427.155.421
II	Tài sản ngắn hạn khác	130		2.704.818.897	1.416.857.568
1	Tạm ứng	131		13.020.101	9.520.101
2	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10(a)	1.648.015.677	1.373.554.348
3	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		1.012.200.000	2.200.000
4	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135	16(b)	31.583.119	31.583.119
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250)	200		193.641.782.006	131.698.259.365
I	Tài sản tài chính dài hạn	210		183.872.618.000	122.872.618.000
1	Các khoản đầu tư	212		183.872.618.000	122.872.618.000
1.1	Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	212.1	7(b)	183.300.000.000	122.300.000.000
1.2	Đầu tư dài hạn khác	212.4	7(e)	572.618.000	572.618.000
II	Tài sản cố định	220		2.904.151.174	2.156.504.469
1	Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.483.253.999	1.681.444.633
	Nguyên giá	222		10.509.161.156	10.412.911.156
	Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(9.025.907.157)	(8.731.466.523)
2	Tài sản cố định vô hình	227	12	1.420.897.175	475.059.836
	Nguyên giá	228		9.296.422.561	8.229.447.240
	Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(7.875.525.386)	(7.754.387.404)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
III Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	13	-	911.111.111
IV Tài sản dài hạn khác	250		6.865.012.832	5.758.025.785
1 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		1.540.402.290	821.618.290
2 Chi phí trả trước dài hạn	252	10(b)	2.484.303.952	1.921.253.020
3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	18	-	718.739.209
4 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	14	2.840.306.590	2.296.415.266
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.118.370.630.670	705.778.782.879
C NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		99.514.039.283	24.815.951.962
I Nợ phải trả ngắn hạn	310		99.478.663.041	24.780.575.720
1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		89.744.000.000	21.300.000.000
1.1 <i>Vay ngắn hạn</i>	312	15	89.744.000.000	21.300.000.000
2 Phải trả người bán	320		65.805.500	-
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	16(a)	4.138.565.031	648.678.874
4 Phải trả người lao động	323		-	18.164.000
5 Chi phí phải trả	325	17	4.756.377.069	2.425.328.314
6 Doanh thu chưa thực hiện	327		303.000.000	388.404.532
7 Các khoản phải trả khác	329		470.915.441	-
II Nợ phải trả dài hạn	340		35.376.242	35.376.242
1 Dự phòng phải trả dài hạn	354		35.376.242	35.376.242
D VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.018.856.591.387	680.962.830.917
I Vốn chủ sở hữu	410		2.018.856.591.387	680.962.830.917
1 Vốn góp	411		2.000.000.000.000	700.000.000.000
1.1 <i>Vốn góp</i>	411.1	19	2.000.000.000.000	700.000.000.000
2 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		11.875.117	11.875.117
3 Quỹ dự phòng tài chính	415		11.875.117	11.875.117
4 Lỗ lũy kế	417		18.832.841.153	(19.060.919.317)
4.1 <i>Lỗ đã thực hiện</i>	417.1		(1.366.590.943)	(34.298.753.066)
4.2 <i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	417.2		20.199.432.096	15.237.833.749
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		2.118.370.630.670	705.778.782.879

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND	
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY				
1	Ngoại tệ các loại - USD	005	-	524.170
2	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“VSD”) của Công ty	008	13.151.850.000	4.516.820.000
3	TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Công ty	009	840.000	3.350.000
4	TSTC được hưởng quyền của Công ty	013	-	270.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư/khách hàng	021	9.894.258.880.000	10.771.040.250.000
	<i>a TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>	<i>9.808.901.130.000</i>	<i>10.755.150.250.000</i>
	<i>b TSTC hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>	<i>523.550.000</i>	<i>170.000.000</i>
	<i>e TSTC chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>	<i>84.834.200.000</i>	<i>15.720.000.000</i>
2	TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư/khách hàng	022	4.930.100.000	3.595.470.000
	<i>a TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>022.1</i>	<i>4.930.100.000</i>	<i>3.595.470.000</i>
3	TSTC được hưởng quyền của nhà đầu tư/khách hàng	025	-	16.455.330.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
5 Tiền gửi của khách hàng	026	133.108.828.577	44.382.597.217
5.1 Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	69.946.200.977	37.535.042.717
5.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	63.162.627.600	6.847.554.500
6 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	133.108.828.577	44.382.597.217
6.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	84.191.742.344	16.959.218.234
6.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	48.917.086.233	27.423.378.983

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người soát xét:

Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B02a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
	Mã	Thuyết	30/6/2017	30/6/2016
	số	minh	VND	VND
I DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1	01		16.637.109.429	9.612.319.620
		<i>a. Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		
	01.1	20(a)	9.888.102.921	-
		<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		
	01.2	20(b)	5.634.282.508	8.778.250.900
		<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		
	01.3	20(c)	1.114.724.000	834.068.720
1.2	02	20(c)	15.605.096.622	7.087.974.063
1.3	03	20(c)	18.224.437.813	5.581.017.934
1.4	04	20(a)	167.047.900	
1.5	06	20(d)	17.944.615.225	5.011.638.236
1.6	08	20(d)	362.171.100	172.084.554
1.7	09	20(d)	616.582.607	284.073.272
1.8	11	20(d)	958.130	-
Cộng doanh thu hoạt động			69.558.018.826	27.749.107.679
II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1	21		997.364.768	5.510.400.910
		<i>a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		
	21.1	20(a)	324.680.607	2.400.000
		<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		
	21.2	20(b)	672.684.161	5.508.000.910
2.2	23		(2.926.112.550)	982.894.250
2.3	27	21	20.927.986.011	8.323.890.817
2.4	30		720.706.982	420.187.686
Cộng chi phí hoạt động			19.719.945.211	15.237.373.663
III DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
	42		586.417.151	125.538.892
Cộng doanh thu hoạt động tài chính			586.417.151	125.538.892

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B02a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
IV CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		195.000.000	110.673
Cộng chi phí tài chính	60	22	195.000.000	110.673
V CHI PHÍ QUẢN LÝ	62	23	8.542.977.741	7.434.386.778
VI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 – 40 + 50 – 60 – 62)	70		41.686.513.025	5.202.775.457
VII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1 Thu nhập khác	71		10.000.848	77.371.149
7.2 Chi phí khác	72		45.510.282	16.618.979
Kết quả hoạt động khác (80 = 71 – 72)	80		(35.509.434)	60.752.170
VIII TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		41.651.003.591	5.263.527.627
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		36.689.405.244	1.993.277.637
8.2 Lỗ chưa thực hiện	92		4.961.598.347	3.270.249.990
IX CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		3.757.243.121	-
9.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	24	3.038.503.912	-
9.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	24	718.739.209	-
X LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		37.893.760.470	5.263.527.627
XI THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC	300		-	-

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03b – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	41.651.003.591	5.263.527.627
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	(16.662.703.654)	75.295.581
Khấu hao và phân bổ	03	415.578.616	1.014.500.220
Các khoản dự phòng	04	(4.010.721.042)	315.273.972
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	195.000.000	-
Chi phí lãi	06	1.084.608.492	667.620.278
Lãi từ hoạt động đầu tư	07	-	(10.000.000)
Dự thu tiền lãi	08	(14.347.169.720)	(1.912.098.889)
3 Chi phí phi tiền tệ	10	672.684.161	5.508.000.910
Lỗi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	672.684.161	5.508.000.910
4 Doanh thu phi tiền tệ	18	(5.634.282.508)	(8.778.250.900)
Lãi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(5.634.282.508)	(8.778.250.900)
5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động (30 = 01 + 02 + 10 + 18)	30	20.026.701.590	2.068.573.218
Tăng các TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	(20.733.148.440)	(4.791.060)
Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32	(879.000.000.000)	(190.000.000.000)
Tăng các khoản cho vay	33	(155.492.247.000)	(48.856.960.358)
Tăng tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34	(3.514.591.900)	-
Giảm cổ tức và tiền lãi	36	8.544.567.942	4.408.961.112
Tăng các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	(149.141.326)	(98.969.821)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác	39	75.065.438	(923.922.454)
Tăng các tài sản khác	40	(2.276.175.324)	(108.839.217)
Tăng/(giảm) chi phí phải trả	41	2.022.580.680	(804.624.930)
Giảm chi phí trả trước	42	(837.512.261)	(433.354.072)
Tiền lãi đã trả	44	(776.140.417)	(667.620.278)
Tăng phải trả cho người bán	45	65.805.500	-
Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	451.382.245	216.651.925
Giảm/(tăng) phải trả người lao động	48	(18.164.000)	43.059.000
Tăng/(giảm) phải trả khác	51	385.510.909	(741.605.494)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(1.031.225.506.364)	(235.903.442.429)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03b – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(252.114.210)	(483.038.500)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	62	-	10.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(252.114.210)	(473.038.500)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ góp vốn	71	1.300.000.000.000	400.000.000.000
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	1.296.461.117.159	256.450.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(1.228.212.117.159)	(281.110.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	1.368.249.000.000	375.340.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (90 = 60 + 70 + 80)	90	336.771.379.426	138.963.519.071
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	152.275.399.965	38.627.883.916
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 5)	103	489.046.779.391	177.591.402.987
▪ Tiền	103.1	1.046.779.391	1.291.402.987
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	488.000.000.000	176.300.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03b – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(252.114.210)	(483.038.500)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	62	-	10.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(252.114.210)	(473.038.500)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ góp vốn	71	1.300.000.000	400.000.000.000
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	1.296.461.117.159	256.450.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(1.228.212.117.159)	(281.110.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	1.368.249.000.000	375.340.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (90 = 60 + 70 + 80)	90	336.771.379.426	138.963.519.071
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	152.275.399.965	38.627.883.916
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 5)	103	489.046.779.391	177.591.402.987
▪ Tiền	103.1	1.046.779.391	1.291.402.987
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	488.000.000.000	176.300.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03b – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	4.798.276.124.200	983.177.065.800
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(4.386.061.436.800)	(1.735.765.977.100)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	4.207.707.021.585	774.823.596.754
Chi trả thanh toán giao dịch của khách hàng	08	(4.531.195.477.625)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	20	88.726.231.360	22.234.685.454
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	44.382.597.217	57.913.871.911
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	133.108.828.577	80.148.557.365
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41	133.108.828.577	80.148.557.365
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	69.946.200.977	66.860.678.365
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	63.162.627.600	13.287.879.000

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B04a – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu kỳ tại ngày		Biến động trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Số dư cuối kỳ tại ngày	
	1/1/2016 VND	1/1/2017 VND	30/6/2016 VND	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	30/6/2017 VND
Vốn góp	300.000.000.000	700.000.000.000	400.000.000.000	1.300.000.000.000	700.000.000.000	2.000.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	11.875.117	11.875.117	-	-	11.875.117	11.875.117
Quỹ dự phòng tài chính	11.875.117	11.875.117	-	-	11.875.117	11.875.117
(Lỗ)/lợi nhuận lũy kế	(39.921.582.997)	(19.060.919.317)	5.263.527.627	37.893.760.470	(34.658.055.370)	18.832.841.153
(Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện	(49.472.076.837)	(34.298.753.066)	1.993.277.637	32.932.162.123	(47.478.799.200)	(1.366.590.943)
Lợi nhuận chưa thực hiện	9.550.493.840	15.237.833.749	3.270.249.990	4.961.598.347	12.820.743.830	20.199.432.096
Tổng cộng	260.102.167.237	680.962.830.917	405.263.527.627	1.337.893.760.470	665.365.694.864	2.018.856.591.387

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Người soát xét:

Người duyệt:







Bà Nguyễn Hồng Quyền
 Kế toán viên

Bà Cao Thị Bảo Lê
 Kế toán trưởng

Ông Kang Moon Kyung
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 73/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần gần nhất là giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK ngày 15 tháng 6 năm 2017 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn đã góp của Công ty là 2.000 tỷ VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017 là 700 tỷ VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 64 nhân viên (1/1/2017: 44 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày báo cáo.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay: xem Thuyết minh 3(f);
- Các khoản sẵn sàng để bán: xem Thuyết minh 3(g).

Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cẩn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(v) Dự phòng tài sản tài chính

Đối với các khoản đầu tư, nếu vào cuối kỳ kế toán, giá trị thị trường thấp hơn giá gốc, Công ty sẽ trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán cho các khoản đầu tư đó.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa tại UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung (“thị trường OTC”), giá thị trường là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày gần nhất với ngày báo cáo nhưng không quá một tháng tính đến ngày báo cáo được cung cấp bởi 3 công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND. Trong trường hợp giá trị thị trường không thể xác định được một cách đáng tin cậy, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với các khoản cho vay, Công ty trích lập dự phòng như được trình bày tại Thuyết minh 3(h).

Đối với khoản phải thu, Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi như được trình bày tại Thuyết minh 3(h).

Các khoản lỗ do suy giảm tài sản tài chính, chi phí dự phòng giảm giá đầu tư và chi phí dự phòng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động.

Dự phòng giảm giá được hoán đổi nếu giá thị trường chứng khoán tăng lên. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ nếu khoản dự phòng không được ghi nhận.

(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

Một TSTC được ghi nhận theo FVTPL nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua tài sản tài chính (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc khớp với giá trên thị trường chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết).

Vào cuối kỳ kế toán, tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- được thực hiện sau khi Công ty thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- có liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

(f) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản cho vay bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng được ghi nhận theo giá gốc trừ khoản dự phòng phải thu khó đòi theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(h).

(g) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là tài sản tài chính phi phái sinh được chủ đích phân loại là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- TSTC ghi nhận theo FVTPL;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(h) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- phương tiện vận tải 4 năm
- thiết bị văn phòng 4 - 5 năm

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Thẻ thành viên câu lạc bộ gôn

Thẻ thành viên câu lạc bộ gôn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 38 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ và dụng cụ và là các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công ty được yêu cầu trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế sau khi cần trừ với lỗ lũy kế từ các năm trước trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(q) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán (“VSD”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị danh nghĩa của công cụ nợ khi đáo hạn.

(iii) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

(iv) Doanh thu tư vấn đầu tư tài chính

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(v) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

(r) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(u) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư được quy định trong Thông tư 334 do Bộ Tài Chính ban hành mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

4. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B09a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	489.038.527.891	152.270.241.965
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (i)	912.000.000.000	94.000.000.000
Các khoản cho vay – gộp (ii)	428.833.580.429	273.341.333.429
Các khoản phải thu (ii)	14.381.803.720	14.381.803.720
Phải thu các dịch vụ cung cấp (ii)	299.619.505	150.478.179
Các khoản phải thu khác (ii)	576.704.253	427.155.421
Tạm ứng	13.020.101	9.520.101
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.012.200.000	2.200.000
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn (i)	183.300.000.000	122.300.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	1.540.402.290	821.618.290
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	2.840.306.590	2.296.415.266
	<hr/>	<hr/>
	2.033.836.164.779	654.198.164.593
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Chi tiết phân loại tín dụng của các tài sản tài chính có rủi ro tín dụng như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Quá hạn và bị tổn thất	5.453.106.914	13.472.275.456
Không quá hạn và không bị tổn thất	423.380.473.515	259.869.057.973
	428.833.580.429	273.341.333.429

Giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính bị quá hạn và bị tổn thất:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chứng khoán niêm yết tại		
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	-	3.517.447.500
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	-	341.000.000
	-	3.858.447.500

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B09a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	89.744.000.000	90.136.676.425	90.136.676.425
Phải trả người bán	65.805.500	65.805.500	65.805.500
Chi phí trích trước	4.756.377.069	4.756.377.069	4.756.377.069
Các khoản phải trả khác	470.915.441	470.915.441	470.915.441
	95.037.098.010	95.429.774.435	95.429.774.435

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	21.300.000.000	21.426.482.292	21.426.482.292
Chi phí trích trước	2.425.328.314	2.425.328.314	2.425.328.314
	23.725.328.314	23.851.810.606	23.851.810.606

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty cho rằng rủi ro liên quan đến nghĩa vụ nợ tương đối thấp, có khả năng huy động vốn và các khoản vay với thời hạn dưới 12 tháng có thể được gia hạn với người cho vay hiện tại.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/06/2017		1/1/2017	
	USD	Trương đương VND	USD	Trương đương VND
Vay ngắn hạn	3.000.000	68.160.000.000	-	-

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	30/6/2017	1/1/2017
USD/VND	22.770	22.790

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lỗ thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	
USD (mạnh thêm 1% so với VND) – giảm lợi nhuận thuần sau thuế	(546.480.000)
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	
USD (mạnh thêm 1% so với VND) – giảm lợi nhuận thuần sau thuế	-

Biến động ngược lại của tỷ giá USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B09a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	489.038.527.891	152.270.241.965
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	912.000.000.000	94.000.000.000
Các khoản cho vay – thuần	423.230.473.515	263.727.505.473
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	183.300.000.000	122.300.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	2.840.306.590	2.296.415.266
Vay ngắn hạn	(89.744.000.000)	(21.300.000.000)

(iii) Rủi ro thị trường khác

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Rủi ro về giá chứng khoán vốn đối với các khoản đầu tư niêm yết của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản đầu tư niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại Việt Nam. Ước tính tốt nhất đối với ảnh hưởng đến TSTC và lợi nhuận trước thuế sự thay đổi về chỉ số vốn chủ sở hữu, với tất cả các biến số khác không thay đổi như sau:

	Tại ngày 30/6/2017		Tại ngày 1/1/2017	
	Thay đổi chỉ số %	Ảnh hưởng đến TSTC VND	Thay đổi chỉ số %	Ảnh hưởng đến TSTC VND
Chỉ số thị trường				
VN Index - Tăng	15	10.592.671.602	15	6.738.459.584
VN Index - Giảm	(15)	(10.592.671.602)	(15)	(6.738.459.584)

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Rủi ro về giá chứng khoán vốn đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết của Công ty, sẵn sàng để bán và các khoản đầu tư khác chủ yếu liên quan đến đầu tư vào chứng khoán vốn tư nhân tại Việt Nam. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để công bố báo cáo tài chính giữa niên độ vì không có thông tin về giá thị trường và hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Hệ thống Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày đo lường.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính, như sau:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL	50.418.378.588	70.617.810.683	29.685.230.147	44.923.063.896
• Cổ phiếu niêm yết	50.418.245.208	70.617.677.303	29.685.096.767	44.922.930.516
• Cổ phiếu chưa niêm yết	133.380	133.380	133.380	133.380
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	489.038.527.891	489.038.527.891	152.270.241.965	152.270.241.965
▪ Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	912.000.000.000	(*)	94.000.000.000	(*)
▪ Các khoản cho vay – thuần	423.230.473.515	(*)	263.727.505.473	(*)
▪ Các khoản phải thu	14.381.803.720	(*)	8.579.201.942	(*)
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	299.619.505	(*)	150.478.179	(*)
▪ Các khoản phải thu khác	576.704.253	(*)	427.155.421	(*)
▪ Tạm ứng	13.020.101	(*)	9.520.101	(*)
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.012.200.000	(*)	2.200.000	(*)
▪ Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	183.300.000.000	(*)	122.300.000.000	(*)
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	1.540.402.290	(*)	821.618.290	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	2.840.306.590	(*)	2.296.415.266	(*)

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	30/6/2017	31/12/2016
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Vay ngắn hạn	(89.744.000.000)	(21.300.000.000)
▪ Phải trả người bán	(65.805.500)	-
▪ Chi phí trích trước	(4.756.377.069)	(2.425.328.314)
▪ Các khoản phải trả khác	(470.915.441)	-

(*)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B09a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	8.251.500	5.158.000
Tiền gửi ngân hàng phục vụ hoạt động của Công ty	1.035.862.303	2.867.525.998
Tiền gửi ngân hàng phục vụ giao dịch chứng khoán	2.665.588	2.715.967
Các khoản tương đương tiền	488.000.000.000	149.400.000.000
	<hr/>	<hr/>
	489.046.779.391	152.275.399.965
	<hr/>	<hr/>

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 59 tỷ VND (1/1/2017: 21,3 tỷ VND) được cầm cố cho các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Kỳ sáu tháng kết thúc		Kỳ sáu tháng kết thúc	
	ngày 30/6/2017		ngày 30/6/2016	
	Khối lượng giao	Giá trị giao dịch	Khối lượng giao	Giá trị giao dịch
	dịch thực hiện	thực hiện	dịch thực hiện	thực hiện
		VND		VND
a) Công ty				
Cổ phiếu	1.642.276	93.277.666.636	4.000	115.600.000
Trái phiếu	1.304.000	140.263.261.800	-	-
b) Nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	623.898.069	10.362.019.827.200	159.736.655	2.889.505.718.100
Trái phiếu	17.752.000	1.886.584.269.800	8.370.000	839.065.170.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	644.596.345	12.482.145.025.436	168.110.655	3.728.686.488.100
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản tài chính

(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết				
VNM	17.062.910.135	36.482.981.600	21.888.636.999	37.300.185.600
MSN	5.934.500.000	4.662.000.000	5.934.500.000	4.795.200.000
VCB	4.771.740.497	4.795.252.000	2.460.000	4.679.400
PVT	4.253.466.849	4.651.019.750	273.870	406.000
BVH	3.634.185.959	3.269.105.000	620.865	814.800
SSI	3.148.879.206	3.733.883.650	777.960	764.400
CII	1.849.277.260	2.012.296.800	983.020	1.182.300
BIC	1.641.966.869	2.618.952.000	1.691.120.195	2.614.780.000
VIC	1.560.387.090	1.542.836.400	4.215.100	9.492.000
PVS	1.119.760.950	1.026.026.400	6.490.950	6.117.200
Khác	5.441.170.392	5.823.323.703	170.839.573	212.764.916
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Khác	133.380	133.380	133.380	133.380
	50.418.378.587	70.617.810.683	29.685.230.147	44.923.063.896

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B09a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm (i)	912.000.000.000	(*)	94.000.000.000	(*)
Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 1 năm (ii)	183.300.000.000	(*)	122.300.000.000	(*)
	1.095.300.000.000	(*)	216.300.000.000	(*)

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền gửi tại ngân hàng có lãi suất giao động từ 5,4% đến 7,0% một năm (1/1/2017: từ 5,9% đến 6,6% một năm).

(ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền gửi tại ngân hàng có lãi suất giao động từ 7,1% đến 7,6% một năm (1/1/2017: từ 7,1% đến 7,5% một năm).

(c) Các khoản cho vay

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	404.599.933.398	(*)	258.401.630.768	(*)
Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng (ii)	24.233.647.031	(*)	14.939.702.661	(*)
	428.833.580.429	(*)	273.341.333.429	(*)

(i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc là 90 ngày và hưởng lãi suất ngày từ 0,026% đến 0,033% (1/1/2017: từ 0,028% đến 0,039% một ngày). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì lần lượt là 50% và 40%.

(ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng được hưởng lãi suất ngày từ 0,033% (1/1/2017: từ 0,024% đến 0,033% một ngày) và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 2 ngày.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(d) TSTC sẵn sàng để bán

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam (i)	11.314.591.900	(*)	7.800.000.000	(*)

- (i) Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam ("SMV") là một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Kinh doanh số 2300323118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 19 tháng 2 năm 2008. Các hoạt động chính của công ty này bao gồm sản xuất và kinh doanh thiết bị điện. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty sở hữu 3,98% vốn chủ sở hữu của SMV (1/1/2017: 2,66%).

(e) Đầu tư dài hạn khác

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Mirae Asset Realty Việt Nam (i)	572.618.000	(*)	572.618.000	(*)

- (i) Công ty TNHH Mirae Asset Realty Việt Nam ("Mirae Asset Realty") là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000515 ngày 22 tháng 4 năm 2010 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp. Các hoạt động chính của Mirae Asset Realty là cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản. Đầu tư của Công ty chiếm 14,99% tổng vốn điều lệ của Mirae Asset Realty.

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để trình bày trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường và hiện tại không có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017	Giá gốc tại ngày 30/6/017 VND	Số đầu kỳ tại ngày 1/1/2017 VND	Dự phòng trích lập trong kỳ VND	Dự phòng hoàn nhập trong kỳ VND	Dự phòng sử dụng trong kỳ VND	Số cuối kỳ tại ngày 30/6/2017 VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	5.453.106.914	9.613.827.956	-	(4.010.721.042)	-	5.603.106.914
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016	Giá gốc tại ngày 1/1/2016 VND	Số đầu kỳ tại ngày 1/1/2016 VND	Dự phòng trích lập trong kỳ VND	Dự phòng hoàn nhập trong kỳ VND	Dự phòng sử dụng trong kỳ VND	Số cuối kỳ tại ngày 30/6/2016 VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	77.449.191.733	-	315.237.972	-	-	315.237.972

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản phải thu

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	14.347.169.720	8.579.201.942
Phải thu từ cổ tức	34.634.000	-
	<hr/> 14.381.803.720	<hr/> 8.579.201.942

10. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Học phí cho con của nhân viên người nước ngoài	307.340.000	834.505.000
Chi phí trả trước cho thuê hoạt động	440.372.000	405.360.000
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	900.303.677	133.689.348
	<hr/> 1.648.015.677	<hr/> 1.373.554.348

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Phí thành viên câu lạc bộ golf	971.998.155	987.591.690
Sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống	1.066.214.883	891.716.063
Thiết bị văn phòng	446.090.914	41.945.267
	<hr/> 2.484.303.952	<hr/> 1.921.253.020

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B09a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	1.921.253.020	1.645.325.640
Tăng trong kỳ	1.167.662.441	2.564.547.277
Phân bổ trong kỳ	(604.611.509)	(2.510.522.796)
Số dư cuối kỳ	2.484.303.952	1.699.350.121

11. Tài sản cố định hữu hình**Kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017****Phương tiện
vận chuyển
VND****Thiết bị
văn phòng
VND****Tổng
VND****Nguyên giá**

Số dư đầu kỳ	894.800.000	9.518.111.156	10.412.911.156
Tăng trong kỳ	-	96.250.000	96.250.000

Số dư cuối kỳ	894.800.000	9.614.361.156	10.509.161.156
---------------	-------------	---------------	----------------

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu kỳ	894.800.000	7.836.666.523	8.731.466.523
Khấu hao trong kỳ	-	294.440.634	294.440.634

Số dư cuối kỳ	894.800.000	8.131.107.157	9.025.907.157
---------------	-------------	---------------	---------------

Giá trị còn lại

Số dư đầu kỳ	-	1.681.444.633	1.681.444.633
Số dư cuối kỳ	-	1.483.253.999	1.483.253.999

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B09a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	4.455.869.359	8.947.452.883	13.403.322.242
Tăng trong kỳ	-	109.538.000	109.538.000
Thanh lý	(3.561.069.359)	-	(3.561.069.359)
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	894.800.000	9.056.990.883	9.951.790.883
<hr/>			
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	4.455.869.359	7.782.379.740	12.238.249.099
Khấu hao trong kỳ	-	285.918.750	285.918.750
Thanh lý	(3.561.069.359)	-	(3.561.069.359)
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	894.800.000	8.068.298.490	8.963.098.490
<hr/>			
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	-	1.165.073.143	1.165.073.143
Số dư cuối kỳ	-	988.692.393	988.692.393
<hr/>			

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 7.934.310.478 VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2017: 7.934.310.478 VND).

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	Phần mềm máy vi tính VND	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	8.229.447.240	7.729.384.240
Tăng trong kỳ	155.864.210	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	911.111.111	-
Số dư cuối kỳ	9.296.422.561	7.729.384.240
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	7.754.387.404	6.375.971.845
Khấu hao trong kỳ	121.137.982	728.581.470
Số dư cuối kỳ	7.875.525.386	7.104.553.315
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	475.059.836	1.353.412.395
Số dư cuối kỳ	1.420.897.175	624.830.925

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 7.729.384.240 VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2016: 7.729.384.240 VND).

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Phần mềm máy vi tính	-	911.111.111

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Biến động xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	911.111.111
Tăng trong kỳ	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(911.111.111)
	-
Số dư cuối kỳ	-

14. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	2.840.306.590	2.296.415.266
	2.840.306.590	2.296.415.266

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	2.296.415.266	2.106.970.104
Tiền nộp thêm trong kỳ	412.773.672	66.684.828
Tiền lãi nhận được trong kỳ	131.117.652	122.760.334
	2.840.306.590	2.296.415.266
Số dư cuối kỳ	2.840.306.590	2.296.415.266

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

15. Vay ngắn hạn

	Số dư đầu kỳ tại ngày 1/1/2017 VND	Số vay trong kỳ VND	(Số trả trong kỳ) VND	Số dư cuối kỳ tại ngày 30/6/2017 VND
Vay ngắn hạn	21.300.000.000	1.296.461.117.159	(1.228.017.117.159)	89.744.000.000

Các điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn chưa thanh toán như sau:

Korea Development Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
 Woori Global Wibeek Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
 KEB Hana Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Tiền tệ	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
USD	68.160.000.000	-
VND	21.584.000.000	-
VND	-	21.300.000.000
	<u>89.744.000.000</u>	<u>21.300.000.000</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản vay có lãi suất giao động từ 1,85% đến 5,3% một năm (1/1/2017: 5,3% một năm). Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Công ty Chứng khoán Mirae Asset (HK), công ty mẹ của Công ty, thông qua Thư Bảo lãnh được ký vào ngày 24 tháng 3 năm 2017 và được đảm bảo bởi tiền gửi tại chính ngân hàng cho vay với giá trị ghi sổ là 59 tỷ VND (1/1/2017: 21,3 tỷ VND) (Thuyết minh 5).

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản phải trả cho và phải thu khác từ Nhà nước

(a) Các khoản phải trả Nhà nước

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	(Trả) VND	30/6/2017 VND
Các loại thuế				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.038.503.912	-	3.038.503.912
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	197.159.685	957.238.799	(983.910.567)	170.487.917
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	342.526.637	2.454.289.934	(2.118.640.843)	678.175.728
Thuế nhà thầu	70.106.239	718.316.707	(624.438.426)	163.984.520
Các loại phí và lệ phí khác	38.886.313	364.918.537	(316.391.896)	87.412.954
	648.678.874	7.533.267.889	(4.043.381.732)	4.138.565.031

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	1/1/2016 VND	Phát sinh VND	(Trả) VND	30/6/2016 VND
Các loại thuế				
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	132.873.771	910.242.795	(991.711.322)	51.405.244
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	79.273.657	838.755.409	(700.758.687)	217.270.379
Thuế nhà thầu	1.117.884	481.587.615	(361.825.274)	120.880.225
Các loại phí và lệ phí khác	1.967.741	137.010.872	(96.649.482)	42.329.131
	215.233.053	2.367.596.691	(2.150.944.765)	431.884.979

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(b) Các khoản phải thu khác từ Nhà nước

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	(Khấu trừ) VND	30/6/2017 VND
Các khoản phải thu khác từ Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	31.583.119	-	-	31.583.119
<hr/>				
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	(Khấu trừ) VND	30/6/2017 VND
Các khoản phải thu khác từ Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.772.711	5.491.297	-	8.264.008
<hr/>				

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí trích trước

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí môi giới chứng khoán	1.607.610.867	369.913.230
Chi phí lương tháng 13	1.599.435.290	1.234.828.000
Chi phí giao dịch chứng khoán	887.101.318	383.594.847
Chi phí lãi	308.468.075	-
Chi phí tư vấn	220.000.000	210.459.096
Các chi phí khác	133.761.519	226.533.141
	4.756.377.069	2.425.328.314
	4.756.377.069	2.425.328.314

18. Tài sản và phải trả thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Lỗ tính thuế	-	4.003.465.178
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL	-	(3.284.725.969)
	-	718.739.209
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại – thuần	-	718.739.209

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

19. Vốn góp

Vốn pháp định được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Tại ngày 30/6/2017	
	VND	%
Mirae Asset Securities (HK) Limited	2.000.000.000.000	100%

	Tại ngày 1/1/2017	
	VND	%
Mirae Asset Securities (HK) Limited	700.000.000.000	100%

Mirae Asset Securities (HK) Limited (trước đây gọi là Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited) là chủ sở hữu 100% của Công ty, Mirae Asset Daewoo Co., Ltd. (trước đây gọi là Mirae Asset Securities Co., Ltd) là công ty mẹ cấp trên, và Mirae Asset Capital Company Limited is công ty mẹ cấp cao nhất, được thành lập lần lượt tại Hồng Kông và Hàn Quốc.

Biến động vốn điều lệ trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc tại ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	700.000.000.000	300.000.000.000
Vốn góp trong kỳ	1.300.000.000.000	400.000.000.000
Số dư cuối kỳ	2.000.000.000.000	700.000.000.000

Ngày 19 tháng 5 năm 2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phê duyệt hồ sơ đăng ký của Công ty đề tăng vốn điều lệ. Ngày 15 tháng 6 năm 2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 2.000 tỷ VND.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2017, Công ty được góp vốn đủ bởi Mirae Asset Securities (HK) Limited.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

20. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh – Lãi từ tài sản tài chính

(a) Lãi/(lỗ) từ việc bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL và AFS

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

Cổ phiếu niêm yết

	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Tổng giá vốn VND	Lãi từ bán chứng khoán VND	Lỗ từ bán chứng khoán VND
VJC	1.174.410	401.955	120.498.914.804	110.935.492.490	9.888.102.921	(324.680.607)
VNM	338.140	112.381	38.000.678.000	32.189.571.556	5.983.428.808	(172.322.363)
BVH	65.500	131.817	8.634.046.000	4.827.682.114	3.806.363.886	-
Khác	30.800	60.450	1.861.859.000	1.970.067.906	-	(108.208.906)
	739.970	97.307	72.002.331.804	71.948.170.915	98.310.227	(44.149.338)
AFS - SMV	11.300	40.000	452.000.000	284.952.100	167.047.900	-

1.185.710 441.955 120.950.914.804 111.220.444.590 10.055.150.821 (324.680.607)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

Cổ phiếu niêm yết

	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Tổng giá vốn VND	Lãi từ bán chứng khoán VND	Lỗ từ bán chứng khoán VND
HT1	2.000	28.300	56.600.000	29.500	-	(2.400.000)

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Lãi/(lỗ) đánh giá lại các TSTC

	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30/6/2017 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2017 VND	Chênh lệch đánh giá lại cho kỳ hiện tại VND
TSTC ghi nhận theo FVTPL	50.418.378.587	70.617.810.683	20.199.432.096	15.237.833.749	4.961.598.347
Cổ phiếu niêm yết	50.418.378.587	70.617.810.683	20.199.432.096	15.237.833.749	4.961.598.347
Bao gồm:					
- Lãi từ đánh giá lại					5.634.282.508
- Lỗ từ đánh giá lại					(672.684.161)

	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30/6/2016 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2016 VND	Chênh lệch đánh giá lại cho kỳ hiện tại VND
TSTC ghi nhận theo FVTPL	41.611.852.445	54.432.596.275	12.820.743.830	9.550.493.840	3.270.249.990
Cổ phiếu niêm yết	41.611.852.445	54.432.596.275	12.820.743.830	9.550.493.840	3.270.249.990
Bao gồm:					
- Lãi từ đánh giá lại					8.778.250.900
- Lỗ từ đánh giá lại					(5.508.000.910)

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(c) Cổ tức, thu nhập lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL, giữ đến ngày đáo hạn, các khoản vay và phải thu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Từ TSTC giữ đến ngày đáo hạn	15.605.096.622	7.087.974.063
▪ Thu nhập từ tiền gửi có kỳ hạn	15.605.096.622	7.087.974.063
Từ các khoản vay và phải thu	18.224.437.813	5.581.017.934
▪ Thu nhập từ hoạt động ký quỹ	15.396.192.464	5.275.928.447
▪ Thu nhập từ dịch vụ tạm ứng	2.828.245.349	305.089.487
Từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	1.114.724.000	834.068.720
▪ Cổ tức	1.114.724.000	834.068.720
	34.944.258.435	13.503.060.717

(d) Doanh thu không phải là thu nhập từ các TSTC

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	17.944.615.225	5.011.638.236
Doanh thu từ tư vấn tài chính	362.171.100	172.084.554
Doanh thu từ lưu ký chứng khoán	616.582.607	284.073.272
Doanh thu từ các hoạt động khác	958.130	-
	18.924.327.062	5.467.796.062

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí môi giới chứng khoán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lương	8.080.759.670	3.149.449.397
Chi phí môi giới	3.402.082.510	1.156.492.512
Chi phí hoa hồng	5.875.621.247	942.352.240
Khấu hao tài sản cố định	282.913.762	804.849.768
Máy tính và các chi phí liên quan	969.580.301	634.020.313
Chi phí thuê	583.974.274	608.074.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	238.601.305	305.376.303
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	379.710.701	224.485.449
Chi phí giao tế	160.496.356	161.491.545
Chi phí công tác	174.780.019	47.058.428
Chi phí khác	779.465.866	290.240.678
	<hr/>	<hr/>
	20.927.986.011	8.323.890.817
	<hr/>	<hr/>

22. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	195.000.000	-
Chi phí tài chính khác	-	110.673
	<hr/>	<hr/>
	195.000.000	110.673
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí quản lý

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lương	3.625.747.945	3.726.238.716
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	1.996.693.945	933.704.359
Chi phí thuê	875.696.721	846.830.741
Chi phí dịch vụ mua ngoài	432.272.521	347.459.653
Chi phí vận chuyển	369.072.829	304.935.401
Thuế, phí và lệ phí	195.107.285	211.357.849
Khấu hao tài sản cố định	132.664.854	209.650.452
Chi phí giải trí	312.531.428	202.494.691
Chi phí công tác	128.087.467	172.091.885
Máy tính và các chi phí liên quan	179.940.717	167.739.322
Chi phí văn phòng phẩm	7.227.245	19.556.246
Chi phí khác	287.934.784	292.327.463
	<hr/>	<hr/>
	8.542.977.741	7.434.386.778
	<hr/>	<hr/>

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí thuế hiện tại		
Kỳ này	3.038.503.912	-
Chi phí thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	718.739.209	-
	<hr/>	<hr/>
Thuế thu nhập	3.757.243.121	-
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	41.651.003.591	5.263.527.627
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.330.200.718	1.052.705.525
Thu nhập không bị tính thuế	(222.944.800)	(166.813.744)
Thay đổi trong chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(369.117.293)	(901.280.887)
Chi phí không được khấu trừ	-	47.159.214
Lỗi tính thuế được khấu trừ	(3.980.895.504)	(31.770.108)
	3.757.243.121	-

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

(d) Lỗi tính thuế

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi tính thuế VND
2018	Chưa quyết toán	9.521.204.630
2019	Chưa quyết toán	4.450.330.451
2020	Chưa quyết toán	5.932.942.441
		19.904.477.522
Số lỗi thuế được khấu trừ		(19.904.477.522)
Lỗi tính thuế còn lại		-

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B09a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Công ty mẹ Mirae Asset Securities (HK) Limited (trước đây là Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited)		
Góp vốn	1.300.000.000.000	400.000.000.000
Công ty mẹ cấp trên Mirae Asset Daewoo Co., Ltd. (trước đây gọi là Mirae Asset Securities Co., Ltd)		
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	1.341.699.852	30.164.804
Các bên liên quan khác Công ty TNHH Mirae Asset Realty		
Chi trả hộ	346.492.000	73.226.773
Thu nhập của các thành viên chủ chốt – Ban Giám đốc Thu nhập	1.286.944.000	549.470.818

26. Các cam kết**Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Trong vòng một năm	2.883.105.280	2.950.841.300
Từ hai đến năm năm	1.064.877.200	4.154.560.300
	<hr/>	<hr/>
	3.947.982.480	7.105.401.600

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

27. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ

Hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ và chu kỳ, ngoại trừ các khoản mục sau:

(a) Thưởng cho nhân viên

Công ty không trích lập tiền thưởng cho nhân viên do chưa thể ước lượng nghĩa vụ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

(b) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Công ty phải trích lập các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính hàng năm. Do đó, Công ty không trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc này cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

28. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc so với cùng kỳ năm ngoái.

29. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường trọng yếu nào phát sinh trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 ngoại trừ yếu tố thời vụ hoặc chu kỳ được trình bày ở Thuyết minh 27.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

30. Số liệu so sánh

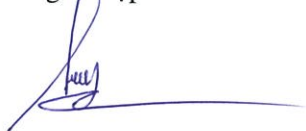
Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện hành. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016	30/6/2016
	(đã phân loại lại)	(theo báo cáo trước đây)	
	VND	VND	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Chi phí trích trước, chi phí trả trước	06	-	976.136.780
Chi phí lãi vay	06	667.620.278	-
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	07	-	(125.538.892)
Thu nhập lãi dự thu	08	(1.912.098.889)	-
Lỗ từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	5.508.000.910	-
Lãi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21	(8.778.250.900)	(3.270.249.990)
Giảm phải thu, cổ tức và lãi dự thu từ các TSTC	36	-	2.496.862.223
Giảm cổ tức và lãi phải thu	36	4.408.961.112	-
Tăng các khoản phải thu khác	39	(923.922.454)	(2.442.252.523)
Tăng các tài sản khác	40	(108.839.217)	-
Tăng chi phí trích trước	41	(804.624.930)	-
Tăng chi phí trả trước	42	(433.354.072)	-
Lãi vay đã trả	44	(667.620.278)	-
Giảm phải trả người lao động	48	43.059.000	-
Giảm phải trả khác	51	(741.605.494)	(1.503.171.424)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Lãi và cổ tức đã nhận	65	-	125.538.892

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc